Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công thương
Thời gian ký: 08.02.2021 10:1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường

Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 54/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 34/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường.[1]

---

[1] Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường; Nghị định số 78/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 148/2016/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường;

Căn cứ Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về:

a) Hoạt động công vụ, trách nhiệm trong hoạt động công vụ, những việc không được làm trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

b) Các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý kỷ luật đối với vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

c)[2] Chế độ trách nhiệm của công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý (sau đây gọi tắt là công chức lãnh đạo) đối với vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

d) Khen thưởng và chế độ ưu đãi trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường các cấp (sau đây gọi tắt là cơ quan Quản lý thị trường);

b) Công chức đang làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là công chức) bao gồm công chức Quản lý thị trường và công chức chưa được bổ nhiệm vào ngạch công chức Quản lý thị trường.

Điều 2. Giải thích từ ngữ[3]

1. *Thiếu trách nhiệm* là việc công chức không thực hiện hoặc thực hiện

---

điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường;"

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[3] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

không đúng, không đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật có liên quan trong khi thực hiện hoạt động công vụ cụ thể.

2. *Buông lỏng quản lý* là việc công chức lãnh đạo không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; tổ chức thực hiện không kịp thời, không đúng, không đầy đủ các quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan cấp trên; không có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện hoạt động công vụ của công chức, cơ quan Quản lý thị trường thuộc phạm vi phụ trách, quản lý; không thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, phòng ngừa hoặc hạn chế hậu quả của hành vi vi phạm do công chức, cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường thuộc phạm vi phụ trách, quản lý gây ra; phát hiện vi phạm mà xử lý không nghiêm minh hoặc báo cáo không kịp thời với người có thẩm quyền."

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường theo chế độ thủ trưởng; phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng công chức; đề cao trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện hoạt động công vụ và trách nhiệm của công chức lãnh đạo trong việc quản lý, điều hành hoạt động công vụ của công chức do mình quản lý; bảo đảm hoạt động công vụ dân chủ, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Hoạt động công vụ của công chức phải tuân thủ theo quy định của pháp luật trong hoạt động công vụ; chịu trách nhiệm trước công chức lãnh đạo giao nhiệm vụ và trước pháp luật đối với hoạt động công vụ của mình.

3. Công chức, cơ quan Quản lý thị trường có thành tích trong hoạt động công vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng. Công chức vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa theo quy định của Thông tư này; bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

4. Công chức lãnh đạo có trách nhiệm giám sát, kiểm tra, phát hiện, xử lý đối với vi phạm pháp luật của công chức trong hoạt động công vụ theo phân cấp và theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trực tiếp hoặc liên đới đối với vi phạm pháp luật của công chức trong hoạt động công vụ theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ NHỮNG VIỆC KHÔNG ĐƯỢC LÀM TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ

Điều 4. Hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường

1. Hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường là việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của công chức, cơ quan Quản lý thị trường theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư này.

2. Hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường bao gồm:

a) Chỉ đạo, điều hành;

b) Tham mưu, tổng hợp, báo cáo;

c) Tuyển dụng và thực hiện chính sách, chế độ đối với công chức;

d) Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ;

đ) Tổ chức họp, hội nghị, hội thảo;

e) Kiểm tra nội bộ;

g) Thông tin, tuyên truyền;

h) Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh;

i) Thực hiện các biện pháp nghiệp vụ;

k) Thanh tra chuyên ngành, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính;

l) Phối hợp thanh tra chuyên ngành, kiểm tra;

m) Quản lý, sử dụng ấn chỉ, công cụ hỗ trợ và tài sản, trang thiết bị công;

n) Các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng Quản lý thị trường.

3.[4] Hoạt động công vụ thực hiện bên ngoài trụ sở cơ quan, đơn vị của công chức làm việc tại các Đội Quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh, các phòng nghiệp vụ thuộc Cục Nghiệp vụ quản lý thị trường và công chức khác được giao thực hiện hoạt động công vụ quy định tại các điểm e, h, i, k, l và m khoản 2 Điều 4 của Thông tư này phải được ghi trong sổ Nhật ký công tác theo quy định. Việc cấp phát, sử dụng sổ Nhật ký công tác thực hiện như sau:

a) Tổng cục Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là Tổng cục) thực hiện mua sắm tập trung từ nguồn ngân sách được giao hằng năm và giao quản lý cấp, phát sổ Nhật ký công tác;

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị Quản lý thị trường sử dụng sổ Nhật ký

---

[4] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

công tác trực tiếp hoặc giao công chức của cơ quan, đơn vị thực hiện việc lưu giữ, quản lý, ghi sổ Nhật ký công tác tại nơi làm việc theo quy định;

c) Các Đội Quản lý thị trường liên huyện hoặc có từ 02 (hai) nơi làm việc trở lên được sử dụng đồng thời nhiều sổ Nhật ký công tác; tại mỗi huyện hoặc tại mỗi nơi làm việc của Đội Quản lý thị trường sử dụng cùng lúc không quá 01 (một) sổ Nhật ký công tác.

Điều 5. Trách nhiệm của công chức trong hoạt động công vụ

1. Khi được cấp có thẩm quyền giao thực hiện hoạt động công vụ, công chức có trách nhiệm:

a) Mặc trang phục, đeo biển hiệu, phù hiệu, cấp hiệu theo đúng quy định; thực hiện đúng nhiệm vụ, công vụ được giao hoặc phân công; ghi Sổ Nhật ký công tác trước khi thực hiện nhiệm vụ và sau khi có kết quả thực hiện nhiệm vụ;

b) Nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật lao động, kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế của cơ quan và sự chỉ đạo, điều hành của người có thẩm quyền khi hoạt động công vụ; giữ gìn đoàn kết, thực hiện dân chủ cơ sở, văn hóa công sở;

c) Xử lý, giải quyết công việc đúng phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền được giao, đúng trình tự, thủ tục, thời hạn theo quy định của pháp luật và chương trình, kế hoạch, lịch làm việc của cơ quan;

d) Thực hiện hoặc chỉ đạo, điều hành hoạt động kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp nghiệp vụ có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật công tác; thực hiện việc phát ngôn hoặc cung cấp thông tin đúng quy định;

e) Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ, ấn chỉ, Thẻ kiểm tra thị trường, tài sản công được cấp hoặc được giao đúng quy định;

g) Thực hiện các biện pháp phòng, chống quan liêu, tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tích cực đấu tranh chống các biểu hiện vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ trong cơ quan;

h) Thực hiện các trách nhiệm khác của công chức theo pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, công chức lãnh đạo còn có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, tổ chức, chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hoạt động công vụ của công chức do mình quản lý;

b) Giải quyết kịp thời, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo của cá nhân, tổ chức liên quan đến hoạt động công vụ của công chức do mình quản lý;

c) Phát hiện, xử lý kịp thời, đúng mức, đúng thẩm quyền đối với công chức vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ theo quy định của pháp luật;

d) Chịu trách nhiệm về việc để xảy ra các vi phạm trong hoạt động công vụ tại cơ quan do mình quản lý theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 6. Những việc công chức không được làm trong hoạt động công vụ[5]

1. Những việc công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ, văn hóa giao tiếp, kỷ luật hành chính trong hoạt động công vụ:

a) Không chấp hành các quy chế, nội quy của cơ quan, đơn vị; tự ý nghỉ việc mà không có lý do chính đáng;

b) Không sử dụng hoặc sử dụng trang phục Quản lý thị trường, biển hiệu, phù hiệu, cờ hiệu, cấp hiệu của lực lượng Quản lý thị trường không đúng quy định;

c) Uống rượu, bia, sử dụng chất kích thích ngay trước, trong giờ làm việc và trong giờ nghỉ giữa giờ làm việc hoặc trong tình trạng say rượu, bia, chất kích thích khi đang thi hành hoạt động công vụ; hút thuốc lá tại địa điểm có quy định cấm hút thuốc lá;

d) Có hành vi, cử chỉ, thái độ không đúng mực, lăng mạ, bôi nhọ làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của cá nhân, tổ chức hoặc cơ quan, đơn vị và đồng nghiệp trong hoạt động công vụ;

đ) Không giải quyết hoặc không tham mưu, ban hành văn bản trả lời liên quan đến chế độ, chính sách đúng thời hạn làm ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa hợp pháp hoặc quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân;

e) Không thực hiện hoặc thực hiện tiếp nhận, xử lý thông tin, đơn của tổ chức, cá nhân không đúng quy định;

g) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ, không trung thực với người có thẩm quyền khi được giao thực hiện hoạt động công vụ;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện việc lưu giữ, quản lý, ghi sổ Nhật ký công tác không đúng quy định;

i) Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ không đúng quy định.

2. Những việc công chức không được làm liên quan đến quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

---

[5] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

a) Sử dụng tài sản công, tài chính công và trang thiết bị công vào việc riêng hoặc nhằm mục đích vụ lợi;

b) Tham mưu, phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra chuyên ngành nhằm mục đích vụ lợi hoặc trái với chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền;

c) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để những nhiễu, đòi, nhận tiền, tài sản của tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính;

d) Thu tiền xử phạt không đúng quy định nhằm mục đích vụ lợi; tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát hoặc sử dụng trái quy định của pháp luật tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu;

đ) Những việc công chức không được làm khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

3. Những việc công chức không được làm liên quan đến hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường:

a) Buông lỏng quản lý, thiếu trách nhiệm trong chỉ đạo, điều hành và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Ban hành trái thẩm quyền văn bản quy định về hành vi vi phạm hành chính, về thẩm quyền, thủ tục, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước;

c) Ban hành các điều kiện, yêu cầu, thủ tục không đúng quy định của pháp luật trong việc xây dựng định hướng chương trình kiểm tra, kế hoạch kiểm tra, tiếp nhận, xử lý thông tin, thanh tra chuyên ngành, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính;

d) Ban hành quyết định thanh tra chuyên ngành, quyết định kiểm tra, quyết định về xử lý vi phạm hành chính không có đủ căn cứ, không đúng thẩm quyền, nhiệm vụ được giao;

đ) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ văn bản chỉ đạo, kế hoạch kiểm tra, quyết định thanh tra chuyên ngành, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính của người có thẩm quyền;

e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định của pháp luật trong thanh tra chuyên ngành, kiểm tra và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ làm ảnh hưởng đến lưu thông hàng hóa hợp pháp hoặc quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân;

g) In, tổ chức in, phát hành các mẫu quyết định, biên bản không đúng quy định; tự ý trao đổi, mua, bán, vay, mượn mẫu quyết định, biên bản in sẵn sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; sử dụng, ghi các mẫu

biên bản, quyết định không đúng quy định khi thiết lập hồ sơ vụ việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; làm mất, làm hư hỏng mẫu biên bản, quyết định in sẵn sử dụng trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính được cấp phát;

h) Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ vụ việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính;

i) Tham mưu, ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà không có đầy đủ chứng cứ chứng minh vi phạm hành chính hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả không kịp thời, không nghiêm minh, không đúng thẩm quyền, thủ tục, đối tượng theo quy định của pháp luật;

k) Không xử phạt vi phạm hành chính, không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hoặc áp dụng hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả không đúng, không đầy đủ đối với hành vi vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật;

l) Giữ lại vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để xử lý vi phạm hành chính;

m) Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; lợi dụng ảnh hưởng của mình tác động đến người làm nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính; dung túng, bao che, hạn chế quyền của tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính;

n) Không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cá nhân, tổ chức bị xử phạt; việc thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do cá nhân, tổ chức thực hiện;

o) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, chính xác kết luận kiểm tra nội bộ, kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; thiếu trách nhiệm trong việc chỉ đạo thực hiện kết luận kiểm tra nội bộ, kết luận kiểm tra việc thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

p) Không giải quyết hoặc giải quyết không kịp thời khiếu nại, tố cáo trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính.

4. Những việc công chức không được làm liên quan đến phát ngôn, cung cấp thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước:

a) Phát ngôn hoặc cung cấp cho báo chí những thông tin không chính xác, thiếu trung thực liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính khi chưa có kết luận chính thức bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Cố tình phát ngôn hoặc cung cấp cho báo chí, đăng tải trên mạng xã hội những thông tin sai sự thật nhằm xuyên tạc, bôi nhọ về bản chất, hình ảnh hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường;

c) Nhân danh cơ quan Quản lý thị trường thực hiện phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí mà không phải là người được giao nhiệm vụ phát ngôn theo quy định; phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí không đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước;

d) Tiết lộ trái phép thông tin liên quan đến bí mật nhà nước; sử dụng thông tin, tài liệu có liên quan đến bí mật nhà nước, bí mật công tác để cung cấp, tư vấn trái phép cho tổ chức, cá nhân khác hoặc để khiếu nại, tố cáo trái pháp luật gây mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Các hành vi khác không được làm trong hoạt động công vụ theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật khác có liên quan.

Chương III

CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN, PHÒNG NGỪA VÀ XỬ LÝ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ

Điều 7. Các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa đối với vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ

1. Các hành vi vi phạm pháp luật hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ của công chức, cơ quan Quản lý thị trường phải được phát hiện kịp thời và áp dụng ngay các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa nhằm ngăn chặn vi phạm và phòng ngừa vi phạm tiếp theo.

2. Căn cứ mức độ của hành vi vi phạm, người có thẩm quyền của cơ quan Quản lý thị trường khi phát hiện công chức có hành vi quy định tại Điều 6 Thông tư này phải tiến hành một hoặc nhiều biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa sau:

a) Nhắc nhở;

b) Phê bình tại cuộc họp;

c) Đình chỉ thực hiện hoạt động công vụ được giao có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật;

d) Phân công nhiệm vụ khác trong nội bộ cơ quan Quản lý thị trường;

đ) Tạm đình chỉ công tác trong trường hợp phải bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

3.[6] Trường hợp công chức thực hiện hành vi được quy định tại khoản 5

---

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày

Điều 6 của Thông tư này, người có thẩm quyền của cơ quan Quản lý thị trường căn cứ vào quy định của pháp luật có liên quan để quyết định việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa được quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp công chức đã bị nhắc nhở nhưng vẫn tiếp tục vi phạm với cùng một hành vi thì phải áp dụng biện pháp phê bình tại cuộc họp. Việc phê bình phải được ghi trong biên bản cuộc họp của cơ quan Quản lý thị trường và là căn cứ để đánh giá, phân loại công chức hằng năm.

Điều 8. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa đối với vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ

1. Người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa quy định từ điểm a đến điểm d khoản 2 Điều 7 Thông tư này bao gồm:

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường (sau đây gọi tắt là Tổng cục trưởng);

b) Cục trưởng Cục Quản lý thị trường và tương đương (sau đây gọi tắt là Cục trưởng);

c) Đội trưởng Đội Quản lý thị trường và tương đương (sau đây gọi tắt là Đội trưởng).

2. Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư này được thực hiện theo quy định của pháp luật về phân cấp quản lý công chức.

3. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa thực hiện như sau:

a) Khi phát hiện hoặc nhận được thông tin về vi phạm pháp luật hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ của công chức, người có thẩm quyền phải kịp thời xác minh thông tin, xem xét, đánh giá tính chất, mức độ vi phạm, lỗi vi phạm và quá trình công tác của công chức để quyết định áp dụng một hoặc nhiều biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa theo thẩm quyền đối với công chức có hành vi vi phạm hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật theo quy định của Thông tư này và quy định pháp luật có liên quan;

b)[7] Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 7 của Thông tư này phải được ghi thành văn bản, lưu tại cơ quan của người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa. Việc áp dụng biện pháp quy định tại điểm c, điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 7 của Thông tư này phải được thể hiện bằng quyết định của người có thẩm quyền;

---

30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

c)[8] Quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa của người có thẩm quyền phải gửi đến cơ quan Quản lý thị trường cấp trên để báo cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để phối hợp thực hiện;

d) Công chức bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa phải chấm dứt, khắc phục, sửa chữa ngay hành vi vi phạm; thực hiện ngay biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa mà người có thẩm quyền đã áp dụng; có quyền khiếu nại với người có thẩm quyền về quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa theo quy định của pháp luật;

đ) Trong quá trình thực hiện quyết định kiểm tra nội bộ, Trưởng Đoàn kiểm tra nội bộ có quyền kiến nghị với người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa đối với công chức để xác minh, làm rõ hành vi vi phạm.

4. Trường hợp vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ của công chức Quản lý thị trường phải bị xử lý kỷ luật thì người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa tiến hành xem xét xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị người có thẩm quyền xem xét xử lý kỷ luật.

Điều 9. Xử lý kỷ luật đối với công chức vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ

1. Công chức vi phạm quy định tại Điều 6 Thông tư này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

2. Các vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ phải bị xử lý kỷ luật, các hình thức xử lý kỷ luật, các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật, các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật, thời hiệu xử lý kỷ luật, thời hạn xử lý kỷ luật, thẩm quyền xử lý kỷ luật, trình tự, thủ tục xem xét xử lý kỷ luật được áp dụng theo quy định của Chính phủ về xử lý kỷ luật đối với công chức.

Điều 10.[9] ***(được bãi bỏ)***

Điều 11.[10] ***(được bãi bỏ)***

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[9] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[10] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG CHỨC LÃNH ĐẠO ĐỐI VỚI VI PHẠM PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ

Điều 12. Chế độ trách nhiệm của công chức lãnh đạo

1. Công chức lãnh đạo buông lỏng quản lý phải chịu trách nhiệm đối với vi phạm pháp luật trong hoạt động công vụ của công chức do mình được giao quản lý, phụ trách theo quy định của pháp luật về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước (sau đây gọi tắt là cấp phó) trong thi hành nhiệm vụ, công vụ.

2.[11] Nguyên tắc xem xét trách nhiệm của công chức lãnh đạo thực hiện theo quy định của pháp luật về chế độ trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị của Nhà nước trong thi hành nhiệm vụ, công vụ và pháp luật khác có liên quan.

Điều 13.[12] ***(được bãi bỏ)***

Điều 14.[13] ***(được bãi bỏ)***

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG VỤ

Điều 15. Nguyên tắc khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan Quản lý thị trường có thành tích trong hoạt động công vụ[14]

Nguyên tắc khen thưởng được thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003 (sửa đổi, bổ sung năm 2013); Điều 3 Nghị định số

---

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[12] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[13] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[14] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng; khoản 3, khoản 5, khoản 6, khoản 9 và khoản 10 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 16. Công tác khen thưởng đối với tập thể, cá nhân của cơ quan Quản lý thị trường có thành tích trong hoạt động công vụ[15]

Hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm quyền quyết định, trao tặng; hồ sơ xét khen thưởng; quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; lưu trữ hồ sơ khen thưởng; quỹ thi đua, khen thưởng; tước và phục hồi danh hiệu; quyền, nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong công tác khen thưởng được thực hiện theo Thông tư số 40/2019/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương.

Điều 17. Thực hiện chế độ ưu đãi đối với công chức bị thương hoặc hy sinh trong khi thực hiện hoạt động công vụ

Người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan lập hồ sơ đề nghị xét hưởng chế độ ưu đãi người có công theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Pháp lệnh Quản lý thị trường năm 2016 đối với công chức bị thương hoặc hy sinh trong khi thực hiện hoạt động công vụ.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[16]

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Tổng cục trưởng có trách nhiệm:

---

[15] Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

[16] Điều 3 Thông tư số 54/2020/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số 20/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2021 quy định như sau:

*"**Điều 3. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện***

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2021.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương (Tổng cục Quản lý thị trường) để xem xét, hướng dẫn, giải quyết./."

a) Phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan Quản lý thị trường trong việc tổ chức thực hiện Thông tư này;

c) Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện Thông tư này theo quy định và yêu cầu của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

d) Đề xuất với Bộ trưởng Bộ Công Thương việc sửa đổi, bổ sung Thông tư này khi cần thiết.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công Thương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 11 năm 2019.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 13/2014/TT-BCT ngày 14 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của công chức Quản lý thị trường.

3. Ban hành kèm theo Thông tư này Phụ lục về mẫu Sổ Nhật ký công tác của Quản lý thị trường thay thế mẫu Sổ Nhật ký công tác ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều 42 Thông tư số 35/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 04 /VBHN-BCT

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG);
- Lưu: VT, TCQLTT.

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2021

BỘ TRƯỞNG



Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC

Mẫu Sổ Nhật ký công tác của Quản lý thị trường

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN (1) Quyển số: ....(3)...

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG SỔ (2) Trang số: .....

SỔ NHẬT KÝ CÔNG TÁC CỦA QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG THÁNG ..... NĂM ..... (4)

Ngày tháng	Văn bản phân công	Người phân công	Công chức thực hiện	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện		Kết quả công việc	Lãnh đạo ký tên
					Bắt đầu	Kết thúc		
(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(10)	(11)	(12)

Sổ Nhật ký công tác có bìa cứng, được in trên khổ giấy A3, ngang, cỡ chữ 14, đóng dấu giáp lai giữa hai trang và ghi như sau:

(1) Mục "Cơ quan chủ quản": ghi tên cơ quan chủ quản, ví dụ: Cục Quản lý thị trường thành phố Hồ Chí Minh;

(2) Mục "Đơn vị sử dụng sổ": ghi tên cơ quan, đơn vị sử dụng, ví dụ: Đội Quản lý thị trường số 1;

(3) Mục "Quyển số" và "Trang số" do nhà in in sẵn theo số nhảy hoặc do đơn vị sử dụng sổ tự in, tự ghi, tự đóng số nhảy.

(4) Mục "THÁNG ..... NĂM ...": ghi tháng và năm ghi trang nhật ký;

(5) Mục "Ngày tháng": ghi ngày tháng xảy ra hoạt động công vụ của công chức hoặc nhóm công chức;

(6) Mục "Văn bản phân công": ghi Số quyết định kiểm tra, quyết định khám, quyết định phân công (thực hiện biện pháp nghiệp vụ), giấy mời họp, giấy triệu tập đi học, thông báo họp ...v.v;

(7) Mục "Người phân công": ghi tên người có thẩm quyền cử, giao hoặc phân công công chức hoặc nhóm công chức thực hiện hoạt động công vụ.

(8) Mục "Công chức thực hiện": ghi cụ thể công chức hoặc nhóm công chức được cử hoặc giao thực hiện hoạt động công vụ.

(9) Mục "Nội dung công việc": ghi cụ thể nội dung hoạt động công vụ, ví dụ: thực hiện quản lý địa bàn theo phân công, kiểm tra tại Công ty... địa chỉ .... họp triển khai công tác, dự tập huấn nghiệp vụ tại Cục...v.v;

(10) Mục "Thời gian thực hiện": ghi thời gian bắt đầu và kết thúc của hoạt động công vụ. Khi bắt đầu thực hiện hoạt động công vụ, công chức ghi thời gian bắt đầu và khi kết thúc hoạt động công vụ thì công chức ghi thời gian kết thúc;

(11) Mục "Kết quả thực hiện": ghi tóm tắt kết quả thực hiện hoạt động công vụ, trường hợp chưa có kết quả thì ghi đang chờ kết quả, ví dụ: đã có Biên bản kiểm tra số ..... đã có xác nhận đào tạo, đã phát được 10 bản cam kết....v.v

(12) Mục "Lãnh đạo ký tên": công chức lãnh đạo ký tên xác nhận nội dung ghi sổ Nhật ký công tác vào cuối ngày.